

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 631/2021/HC-PT

Ngày: 25-11-2021

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về bồi thường thiệt
hại và cưỡng chế thu hồi đất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán:

Bà Lê Ngọc Nga

Ông Hoàng Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Trần Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2019/TLPT-HC ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường thiệt hại và cưỡng chế thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3929/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9097/2021/QĐST-HC ngày 15/11/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Kim C, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: 241 Lương Nhữ Học, Phường A, Quận B, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố T. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 168 Trương Văn Bang, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Tuấn K – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Ông Trần Quốc S – Phó Trưởng Phòng tiếp dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Phạm Hoàng Anh T – Phó Trưởng Phòng tiếp dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T.

Địa chỉ: Số 27 đường Lương Định Của, phường B, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T: Ông Lê Hoàng T (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 247/GUQ-UBND ngày 03/6/2013) .

3.2 Công ty TNHH P.

Địa chỉ: 26 Mai Chí Thọ, phường B, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P:

Bà Dương Thành Thúy Đ hoặc Ông Hồ Minh N. (Bà Đ, ông N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 65 Nguyễn Du, phường N, Quận M, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền số 04/2019 ngày 09/8/2019).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Kim C – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo nội dung án sơ thẩm: Tại Đơn khởi kiện ngày 22/6/2012, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Phạm Kim C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư (Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008); Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư để thu hồi đất đối với hộ bà Phạm Kim C trong dự án Khu du lịch văn hóa giải trí quốc tế (Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008); Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) về việc cưỡng chế thu hồi đất (Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008) và Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) về giải quyết khiếu nại (Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008) với các lý do:

- Thứ nhất: Ủy ban nhân dân Quận P dựa vào Quyết định số 1578/QĐ-UB ngày 12/4/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H để thu hồi phần đất của bà là không đúng quy định, vì hiện nay dự án đã thay đổi về mục đích sử dụng đất là sử dụng làm khu dân cư thương mại quốc tế P, không phải làm khu du lịch quốc tế P

nên cần phải ban hành quyết định thu hồi đất mới theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, Công ty TNHH P (Công ty P) chỉ còn một thành viên là người nước ngoài, không còn là công ty có 03 thành viên như trước đây.

- Thứ hai: Dự án của Công ty P là dự án kinh doanh nên chủ đầu tư phải thỏa thuận bồi thường thiệt hại với bà.

- Thứ ba: Ủy ban nhân dân Quận P ra Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008, nhưng không giao cho bà là trái pháp luật vì bà chỉ nhận được 03 ngày trước khi cưỡng chế và tự ý chuyển tiền vào ngân hàng nên bà không có thời gian quyền khiếu nại theo quy định.

* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:

Phần đất có diện tích 1.328m² thuộc một phần thửa số 46, 60, 61, 62, (a), tờ bản đồ số 31, phường B, Quận P (Theo tài liệu năm 2002) do bà Phạm Kim C sử dụng nằm trong dự án Khu du lịch văn hoá giải trí quốc tế theo Quyết định thu hồi và tạm giao đất số 1578/QĐ-UB ngày 12/4/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 28/3/2008, Ủy ban nhân dân phường B có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 208/UBND-XN đối với phần đất nêu trên như sau: Đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân Quận P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q210714 ngày 13/4/2001, diện tích 1.328m² cho ông Nguyễn Văn Xếp. Sau đó, ông Xếp chuyển nhượng lại cho bà Phạm Kim C theo Hợp đồng chuyển nhượng số 998/CN và được Ủy ban nhân dân Quận P chấp nhận ngày 07/5/2002. Phần đất (a) diện tích 26,5m² theo bản vẽ hiện trạng số 15437/ĐĐBĐ-CNTĐ (113) và phần đất (a) diện tích 54,9m² theo bản vẽ hiện trạng số 15437/ĐĐBĐ-CNTĐ (114) thể hiện trên nền Bản đồ địa chính năm 2002 là rạch. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế được xác định theo Biên bản xác minh lập ngày 27/3/2008, thì các phần đất nêu trên có hiện trạng là đất nông nghiệp để hoang. Bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện rạch là không chính xác.

Ngày 03/3/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án ký bằng chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 56/BK như sau: Bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là 199.200.000 đồng (1.328 x 150.000 đồng/m²). Hỗ trợ tái định cư: 239.040.000 đồng (1.328 x 180.000 đồng/m²).

Ngày 07/4/2008, Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 2660/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà Phạm Kim C với tổng số tiền là 438.240.000 đồng.

Ngày 07/3/2008, Công ty P có Văn bản số 10-19/BT-TK21 với nội dung: Trường hợp nhận tiền bồi thường chủ đầu tư sẽ giải quyết bồi thường theo chính sách cộng các khoản hỗ trợ thêm như sau: Bồi thường về đất và hỗ trợ tái định cư theo chính sách, bình quân là 330.000 đồng/m², chủ đầu tư hỗ trợ tối đa 670.000 đồng/m². Ngày 23/4/2008, Hội đồng bồi thường đã gửi số tiền 1.328.000.000 đồng vào ngân hàng.

Ngày 23/6/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 4453/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 08/8/2008, thực hiện quyết định cưỡng chế. Ngày 06/11/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr giải quyết khiếu nại của bà C. Việc bà C yêu cầu hủy các quyết định trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà C.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng T trình bày:

Ngày 28/03/2008, Ủy ban nhân dân phường B có xác nhận pháp lý số 208/UBND-XN đối với phần đất của hộ bà Phạm Kim C như sau: Đất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân Quận P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q210714 ngày 13/4/2001, diện tích 1.328m² cho ông Nguyễn Văn X. Sau đó, ông X chuyển nhượng lại cho bà Phạm Kim C theo hợp đồng số 998/CN và được Ủy ban nhân dân Quận P chấp thuận ngày 07/5/2002. Phần đất (a) diện tích 26,5m² theo bản vẽ hiện trạng số 15437/ĐĐBĐ-CNTĐ (113) và phần đất (a) diện tích 54,9m² theo bản vẽ hiện trạng số 15437/ĐĐBĐ-CNTĐ (114) thể hiện trên nền bản đồ địa chính năm 2002 là rạch. Tuy nhiên, qua xác minh thực tế thì các phần đất trên là đất nông nghiệp để hoang. Bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện rạch là không chính xác. Nay Ủy ban nhân dân phường vẫn giữ nguyên ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P có người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị Kim T và bà Đặng Thị Kiều O trình bày: Công ty P được Nhà nước giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án Khu tái định cư 30ha tại phường A, Quận P. Sau khi hoàn thành dự án phải bàn giao toàn bộ quỹ nhà cho Ủy ban nhân dân Thành phố H để bố trí tái định cư cho người dân có đất bị thu hồi. Ngày 03/12/2012, bà C đã ký biên bản thỏa thuận thống nhất giá trị bồi thường và cam kết giao lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến nhà, đất khi nhận bồi thường với ban bồi thường giải phóng mặt bằng. Trường hợp đất của bà C, Công ty đã đồng ý hỗ trợ thêm 670.000 đồng/m², ngoài đơn giá hỗ trợ tái định cư theo chính sách là 330.000 đồng/m². Tại Tòa, bà C yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008; Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008; Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 và Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008. Công ty đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu của bà C vì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008, Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 đã hết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P, Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P về cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P.

- *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.*

- *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc buộc Ủy ban nhân dân Quận P và chủ đầu tư bồi thường theo quy định của pháp luật.*

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, bà Chân có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Phạm Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là ông Trần Tuấn K và ông Phạm Hoàng Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là ông Trần Quốc S trình bày: Yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Chân là không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu của bà Chân, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường B có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng T và Công ty TNHH P có người đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thành Thúy Đ, ông Hồ Minh N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Kim C:

+ Về hình thức: Bà Chân kháng cáo trong thời hạn nên được chấp nhận.

+ Về nội dung: Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) xác định yêu cầu khởi kiện của bà Chân đối với Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 về cưỡng chế thu hồi đất đã hết thời hiệu và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Chân là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008, Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) xác định còn thời hiệu khởi kiện là đúng.

Đối với Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là quyết định có liên quan đến việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất của bà Chân nên cấp sơ thẩm khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 thì phải xem xét đến các quyết định có liên quan là Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008, do đó việc cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với Thông báo số 375 và Quyết định số 9375 là không đúng nên hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các yêu cầu khởi kiện này của bà C; đồng thời cũng cần phải hủy án sơ thẩm đối với quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Kim C làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trần Tuấn K, ông Phạm Hoàng Anh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P có người đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thành Thúy Đ, ông Hồ Minh N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà C khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư và cưỡng chế khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Quận P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P nên Tòa án nhân dân Quận P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

[4] Xét, yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Kim C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Ngày 22/6/2012, bà Phạm Kim C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008; Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008.

Tại biên bản đối thoại ngày 05/5/2015 (Bút lục 163) và bản tự khai ngày 02/4/2015 (Bút lục 152), bà Chân yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 9373/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008.

Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính và khoản 1, 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội thì trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực, người khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/6/2006 đến ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực (ngày 01/7/2011), nếu khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định.

Bà C đã khiếu nại đối với Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P giải quyết theo Quyết định số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 nên ngày 22/6/2012 bà khởi kiện và được cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu và thụ lý giải quyết vụ án là đúng.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 thì bà C không chứng minh được có nộp đơn khiếu nại hoặc nộp đơn khởi kiện nên cấp sơ thẩm xác định bà C hết thời hiệu khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, Thông báo 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 là thông báo có nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho bà C; Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 là quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà Chân nên khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 cần phải xem xét đến các quyết định có cùng nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho người khởi kiện. Do vậy, cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 của bà C là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C.

Ngoài ra, năm 2015 bà C có nêu ý kiến khởi kiện bổ sung đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 tại biên bản đối thoại ngày 05/5/2015 và bản tự khai ngày 02/4/2015 nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu bà C làm đơn khởi kiện bổ sung, cũng không ra Thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Chân là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[7] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy hủy một phần bản án sơ thẩm đối với việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C là yêu cầu hủy Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 do hết thời hiệu là có căn cứ.

[8] Do hủy án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-

TTr ngày 06/11/2008 nên cũng hủy án sơ thẩm đối với phần quyết định tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C yêu cầu hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì các yêu cầu khởi kiện này của bà C nay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H nên giữ hồ sơ vụ án lại Tòa án nhân dân Thành phố H để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[9] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc buộc Ủy ban nhân Quận P và chủ đầu tư bồi thường theo quy định của pháp luật là không cần thiết vì đây lý do để yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân Quận P, không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

[10] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008: Do bà C không chứng minh được có việc khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo và cũng không khởi kiện vụ án hành chính trong thời hạn pháp luật quy định; năm 2012, bà C mới khởi kiện nên cấp sơ thẩm đình chỉ do không còn thời hiệu khởi kiện là đúng nên giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[11] Do hủy một phần bản án về thủ tục tổ tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C.

[12] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên bà Phạm Kim C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các quyết định sau của bản án sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận P (nay là Tòa án nhân dân thành phố T):

- Hủy phần quyết định: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 375/TB-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P và Quyết định giải quyết khiếu nại số 9375/QĐ-UBND-TTr ngày 06/11/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P.

- Hủy phần quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc hủy Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố H để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với việc: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân Quận P về cưỡng chế thu hồi đất.

3. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết theo trình tự sơ thẩm

4. Án phí phúc thẩm, bà Phạm Kim C không phải nộp. Hoàn lại cho bà Chân tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0015824 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận P (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc



